TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 541/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 685/2026/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 7 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1993; CCCD: 075193016238; Địa chỉ thường trú: Tổ I, ấp T, xã B, Thành phố Đ; Địa chỉ tạm trú: Số H đường Đ, tổ E, khu phố T, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Ông Lưu Hoài P, sinh năm 1992; CCCD: 083092006743; Địa chỉ thường trú: Số nhà D, xã A, tỉnh Vĩnh Long; Địa chỉ tạm trú: Số nhà E, đường L, khu phố T, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Lưu Hoài P là vợ chồng, chung sống và đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 52 quyển số 01/2012, ngày 16 tháng 5 năm 2012, tại UBND xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (nay là xã A, tỉnh Vĩnh Long). Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9,11 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không còn hạnh phúc. Bà Nguyễn Thị T và ông Lưu Hoài P xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do bà Nguyễn Thị T và ông Lưu Hoài P đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Qúa trình chung sống bà Nguyễn Thị T và ông Lưu Hoài P có 02 con chung là Lưu Tiểu Linh Đ, sinh ngày 30/4/2013 và Lưu Kiến H, sinh ngày 18/02/2020. Bà Nguyễn Thị T và ông Lưu Hoài P thống nhất thỏa thuận giao con chung Lưu Tiểu Linh Đ, sinh ngày 30/4/2013 và Lưu Kiến H, sinh ngày 18/02/2020 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Thỏa thuận của bà Nguyễn Thị T và ông Lưu Hoài P phù hợp với quy định của pháp luật nên công nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị T và ông Lưu Hoài P mỗi người chịu số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) là phù hợp quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Lưu Hoài P thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Lưu Tiểu Linh Đ, sinh ngày 30/4/2013 và Lưu Kiến H, sinh ngày 18/02/2020 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ông Lưu Hoài P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con nếu cần thiết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị T nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng); ông Lưu Hoài P nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/26E số 0003467 ngày

16/7/2026 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND Khu vực 15 – TP. HCM;
- THADS TP. HCM;
- UBND xã An Ngãi Trung, tỉnh Vĩnh Long (GCN KH số 52 quyển số 01/2012, ngày 16/5/2012);
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Minh Nga

TAND KHU VỰC 15

0OQ030826.TL.QDBA
2898